TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 278/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 05/8/2024
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*:* Ông Nguyễn Minh Tân.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Mai Thị Thảo;

Bà Đỗ Thị Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Huyền, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 420/2023/TLST- HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2023, về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 266/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 186/2023/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2024, giữa:

1. Nguyên đơn: Chị **Trần Thị H**, sinh năm 1980.

ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn L, xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

Người được chị H ủy quyền về việc giao nhận văn bản tố tụng: Chị **Trần Thị H1**, sinh năm 1985. Địa chỉ: Thôn C, xã L, huyện G, tỉnh Hải Dương.

2. Bị đơn: Anh **C - Yen T**, sinh năm 1961.

Quốc tịch Trung Quốc (Đài Loan). Hộ chiếu số: 351094104 do Cơ quan có thẩm quyền của Trung Quốc (Đài Loan) cấp ngày 28/9/2018.

Địa chỉ: Tầng B, số A, đường T, tổ E, phường K, khu B, thành phố T, Đài Loan. (Trung Quốc).

Hiện vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, nguyên đơn chị Trần Thị H trình bày: Chị và anh C, Y-Ting được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Hải Dương ngày 28/12/2018. Sau khi kết hôn anh chị sống với nhau được một thời gian ngắn thì anh C, Y-Ting trở về Đài Loan – Trung Quốc sinh sống. Thời gian đầu vợ chồng thỉnh thoảng vẫn liên lạc với nhau, nhưng do khoảng cách về địa lý, văn hóa, lối sống nên tình cảm ngày càng lạnh nhạt. Chị H cũng không làm được thủ tục sang Đài Loan-Trung Quốc đoàn tụ với anh C, Y-Ting nên vợ chồng chấm dứt liên lạc, không còn quan tâm tới nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh C, Y-Ting theo quy định của pháp luật.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung không có, nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do điều kiện công việc, chị ủy quyền cho chị Trần Thị H1 thay chị giao, nhận tài liệu tại Tòa án. Sau khi nhận được các tài liệu, chị H1 đã thông báo cho chị biết, chị H vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày.

Tại phiên tòa, chị Trần Thị H vắng mặt và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, anh C, Y-T vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, nguyên đơn thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn không thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Điều 147, 477 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử cho chị Trần Thị H ly hôn anh C, Y-T. Về án phí: Chị Trần Thị H phải chịu án phí, lệ phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và xem xét ý kiến của đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án chị Trần Thị H cung cấp địa chỉ của anh C, Y-T tại: Tầng B, số A, đường T, tổ E, phường K, khu B, thành phố T, Đài Loan-Trung Quốc là địa chỉ trước khi về Việt Nam kết hôn, ngoài địa chỉ trên chị H không cung cấp được địa chỉ nào khác. Tòa án đã gửi hồ sơ ủy thác tư pháp tới Bộ Tư pháp để thực hiện ủy thác theo quy định của pháp luật. Ngày 22 tháng 11 năm 2023, Bộ Tư pháp có công văn số 3220/CH-BTP, thể hiện Bộ tư pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã gửi văn bản

ủy thác tới Bộ Tư pháp Lãnh thổ Đài Loan để thực hiện ủy thác đối với anh C, Y-T. Ngày 18/3/2024, Bộ Tư pháp có công văn số 497/BTP-PLQT thể hiện Bộ tư pháp nhận được Văn bản số 1130004030 ngày 16/02/2024 của Bộ tư pháp Lãnh thổ Đài Loan thông báo kết quả thực hiện ủy thác tư pháp đối với anh C, Y-T. Theo đó cơ quan có thẩm quyền của Lãnh thổ Đài Loan đã thực hiện được ủy thác tư pháp vào ngày 25/01/2024 bằng phương thức: Chuyển cho người sống chung cùng đương sự. Quá trình giải quyết vụ án, chị Trần Thị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh C, Y-T vắng mặt lần thứ hai. Do vậy, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và điểm a khoản 5 Điều 477 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị H và anh C, Y-Ting kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Hải Dương ngày 28/12/2018 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn anh C, Y-Ting trở về Đài Loan – Trung Quốc sinh sống, thời gian đầu thỉnh thoảng anh chị có liên lạc với nhau. Chị H nhiều lần làm thủ tục sang Đài Loan đoàn tụ gia đình nhưng không thực hiện được. Mặt khác, do khoảng cách về địa lý, văn hóa và lối sống không phù hợp nên anh chị không liên lạc và không còn tình cảm với nhau. HĐXX xét thấy mâu thuẫn giữa chị Trần Thị H và anh C, Y-T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho chị H được ly hôn anh C, Y-Ting là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Chị H xác định vợ chồng không có con chung, không có tài sản chung, không có nợ chung nên không đề nghị, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Trường hợp anh C, Y-T có yêu cầu giải quyết về tài sản chung (nếu có căn cứ) thì có quyền làm đơn khởi kiện tại Tòa án có thẩm quyền để xem xét giải quyết bằng vụ án khác.

[3]. Về án phí, lệ phí: Chị Trần Thị H phải chịu án phí sơ thẩm dân sự về Hôn nhân gia đình và lệ phí ủy thác tư pháp theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 3 Điều 153, khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị **Trần Thị H** ly hôn anh **C, Y-T.**

2. Về án phí: Chị Trần Thị H phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí sơ thẩm dân sự (về Hôn nhân gia đình), được đối trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai thu số AA/2023/0000467 ngày 05/10/2023 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương.

3. Về lệ phí ủy thác tư pháp: Chị Trần Thị H phải chịu 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*) lệ phí ủy thác tư pháp, được đối trừ số tiền tạm ứng lệ phí 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai thu số AA/2023/0001217 ngày 17/10/2023 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Anh C, Y-Ting được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- *VKSND tỉnh Hải Dương;*
- *Các đương sự;*
- *Cục THADS tỉnh Hải Dương;*
- *UBND huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương (để ghi sổ hộ tịch);*
- *Lưu hồ sơ, Lưu VP, Lưu Tòa GĐ và NCTN.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Minh Tân